

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH AN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về việc kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1743/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Quyết định số 1744/QĐ-BGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 118/TTr-SGTVT ngày 14 tháng 01 năm 2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý, thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 1, 2; Mục A và thủ tục hành chính số 5, 6, 8, 10, 11, 12, 13, 14, 15, 18, 19, 24, 25, 26; Mục B; phụ lục ban hành kèm

theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 1; Mục 2; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 577/QĐ-UBND ngày 18 tháng 3 năm 2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 6; Mục 1; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 463/QĐ-UBND ngày 15 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 9; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 114/QĐ-UBND ngày 17 tháng 01 năm 2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính sửa đổi lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 1, 2, 3, 4, 7, 9, 16, 17, 20, 21, 22, 23, 27, 28; Mục B; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 1, 2, 3; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 638/QĐ-UBND ngày 19 tháng 4 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới trong lĩnh vực Giao thông vận tải thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 28, 30; Mục B; phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 873/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 6, 10, 11, 14, 15, 18, 28, 31, 35, 40, 56, 57, 58, 59, 60, 62, 63; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 4, 5, 7, 9, 16, 17, 29, 32, 36, 37, 38, 39, 61, 64; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công

bổ Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 8, 9; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1012/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2023 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính thực hiện và không thực hiện tiếp nhận tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh An Giang.

- Sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính số 3, 5, 35, 38, 48, 49, 51, 52, 55, 56, 57, 65, 75, 78, 79, 82, 88, 102, 107; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Thay thế thủ tục hành chính số 6, 7, 8, 10, 11, 13, 36, 37, 58, 64, 86, 91, 96, 104, 110, 115, 118; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bãi bỏ thủ tục hành chính số 12, 13; Mục 4; Phụ lục 1 công bố kèm theo Quyết định số 1688/QĐ-UBND ngày 01 tháng 11 năm 2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh An Giang về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình, một phần trong tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh An Giang.

- Bổ sung danh mục thủ tục hành chính mới ban hành của cấp tỉnh vào thực hiện tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Giao thông vận tải;
- Cục kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- VP. UBND tỉnh: LĐVP, TH;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Website tỉnh;
- Viễn thông An Giang (VNPT);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Hồ Văn Mừng

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI, SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ, BÃI BỎ TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ, THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI TỈNH AN GIANG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 62 /QĐ-UBND ngày 16 tháng 01 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Danh mục thủ tục hành chính được ban hành mới

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
1	Chấp thuận hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm thực hiện: + Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang. + Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang (https://dichvucong.angiang.gov.vn) - Cơ quan thực hiện: Sở Giao thông vận tải	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe
2	Chấp thuận lại hoạt động của sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô	- Trường hợp cấp lại khi có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe mô tô để sát hạch lái xe: 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị. - Trường hợp cấp lại khi bị hỏng, mất, thay đổi tên của cơ sở đào tạo có sân tập lái để sát hạch lái xe mô tô: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Địa điểm thực hiện: + Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh An Giang. + Cổng Dịch vụ công tỉnh An Giang (https://dichvucong.angiang.gov.vn)	Không	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe

Stt	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
			- Cơ quan thực hiện: Sở Giao thông vận tải		

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.000703.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
2	2.002286.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi			
3	2.002287.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng			
4	2.002285.000.00.00.H01	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định			
5	1.010707.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
6	1.002046.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS			
7	1.002286.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia			
8	1.001737.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
9	1.002063.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào			
10	1.001577.000.00.00.H01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia			
11	1.001765.000.00.00.H01	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
12	1.004993.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe			
13	1.001751.000.00.00.H01	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái			
14	1.001623.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo			

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
15	1.005210.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo			
16	1.000004.H01	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2			
17	1.004998.H01	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2			
18	1.004995.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe loại 3	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
19	1.004987.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép sát hạch cho trung tâm sát hạch lái xe			

3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.002877.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 158/2024/NĐCP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
2	1.002869.000.00.00.H01	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia				
3	1.001023.000.00.00.H01	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa	Nghị định số 158/2024/NĐCP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về	Đường bộ	Sở Giao thông vận

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
4	1.010711.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Việt Nam và Campuchia	hoạt động vận tải đường bộ		tải
5	2.002288.000 .00.00.H01	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe côngten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	Nghị định số 158/2024/NĐCP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
6	2.002289.000 .00.00.H01	Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe côngten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải				

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
		kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)				
7	1.002268.000 .00.00.H01	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 158/2024/NĐCP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
8	1.010709.000 .00.00.H01	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia				
9	1.002861.000 .00.00.H01	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	Nghị định số 158/2024/NĐCP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
10	1.002859.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào				
11	1.002856.000 .00.00.H01	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải liên vận giữa Việt Nam và	Nghị định số 158/2024/NĐCP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
12	1.002852.000 .00.00.H01	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Lào			
13	2.002615.H0 1	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh
14	2.002616.H0 1	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
			nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép			
15	2.002617.H01	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm do bị mất, bị hỏng	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	Đường bộ	Ủy ban nhân dân tỉnh
16	1.001777.000 .00.00.H01	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	Nghị định số 160/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động đào tạo và sát hạch lái xe	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
17	1.001735.000 .00.00.H01	Cấp Giấy phép xe tập lái				

4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

STT	Mã thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
1	1.010709.000.00.00.H01	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải
2	1.010710.000.00.00.H01	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định về hoạt động vận tải đường bộ	Đường bộ	Sở Giao thông vận tải